

Bản án số: 132/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liềng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Hòa

2. Ông Bùi Kim Châu Hồ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 758/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tuyết Thị Bích L, sinh năm 1975; thường trú: Tổ 4, khu 3, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 34/17A khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công P, sinh năm 1975; thường trú: Tổ 4, khu 3, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 56/1 đường Trường Học, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Lê Công T, sinh ngày 27/10/1999; địa chỉ: Số 34/17A, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tuyết Thị Bích L và anh Lê Công P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015, quyển số 01/2015 ngày 30/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng 10/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không có trách nhiệm với vợ con, thỉnh thoảng còn chửi, đánh chị L. Cuối năm 2015, anh P đưa cháu Lê Công P1, sinh ngày 20/5/2002 chuyển đến số 56/1 đường Trường Học, khu phố Đ, phường D, thị xã D sinh sống. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung là Lê Công K, sinh ngày 05/12/1997; Lê Công T, sinh ngày 27/10/1999; Lê Công P1, sinh ngày 20/5/2002 và Lê Công P2, sinh ngày 26/9/2004. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Công P2, đồng ý giao cháu Lê Công P2 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Công K và Lê Công T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lê Công P: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/8/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 02/10/2018 và 23/10/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 02/10/2018 và 23/10/2018 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Tuyết Thị Bích L và anh Lê Công P đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015, quyển số 01/2015 ngày 30/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Tuyết Thị Bích L xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không có trách nhiệm với vợ con, thỉnh thoảng còn chửi, đánh chị L đến cuối năm 2015 anh P dẫn theo cháu Lê Công P đến số 56/1 đường Trường Học, khu phố Đ, phường D, thị xã D sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường D nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết về các mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ vào lời khai của anh Lê Công T xác định quá trình chung sống chị L và anh P thường xuyên cãi nhau, thỉnh thoảng anh P có uống rượu, bia và đánh chị L. Tòa án đã triệu tập anh P để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P không đến, đồng thời chị L có đơn từ chối hòa giải, điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và cả hai không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Công P2, sinh ngày 26/9/2004; đồng ý giao cháu Lê Công P1, sinh ngày 20/5/2002 cho anh P nuôi dưỡng. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ cuối năm 2015 đến nay cháu P2 sống cùng chị L, cháu P2 sống với anh P, Tòa án đã yêu cầu anh P đưa cháu P1 đến Tòa án để lấy lời khai nhưng anh P không có ý kiến gì, đồng thời cũng không phản đối việc chị L có yêu cầu giao cháu P1 cho anh P nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cháu Lê Công P2, sinh ngày 26/9/2004 cho chị Tuyết Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Công P1, sinh ngày 20/5/2002 cho anh Lê Công P trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện nên Tòa án ghi nhận.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tuyết Thị Bích L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Tuyết Thị Bích L được ly hôn với anh Lê Công P (Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015, quyền số 01/2015 ngày 30/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp).

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Lê Công P2, sinh ngày 26/9/2004 cho chị Tuyết Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Công P1, sinh ngày 20/5/2002 cho anh Lê Công P trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Tuyết Thị Bích L và anh Lê Công P đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tuyết Thị Bích L không yêu cầu anh Lê Công P cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tuyết Thị Bích L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019792 ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã L (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

Đỗ Thị Liễu